

Số: /SGDDĐT-TCCB

Bắc Ninh, ngày tháng 7 năm 2026

V/v triển khai thực hiện phương án
sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo
dục mầm non, phổ thông, giáo dục
thường xuyên công lập trên địa bàn
tỉnh Bắc Ninh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường

Thực hiện Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau gọi tắt là Kế hoạch số 256), Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị UBND các xã, phường thực hiện các nội dung về triển khai thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục như sau:

1. Triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thực hiện theo đúng nguyên tắc, các nội dung đã nêu trong Kế hoạch số 256 và các quy định của Bộ GDĐT, Chính phủ¹.

2. Về định hướng sắp xếp, đảm bảo giảm số trường tối thiểu theo phương án kèm theo Công văn này. Các xã, phường xây dựng phương án sắp xếp các trường cụ thể, điền vào Phụ lục 1, 2, 3, 4 của Kế hoạch số 256 và tổng hợp theo biểu mẫu của Công văn này.

3. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch: Việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch trước, trong và sau quá trình thực hiện.

4. Phương án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của UBND các xã, phường gửi về Sở GDĐT trước **16 giờ 30 phút, ngày 20/7/2026**, kèm theo báo cáo và các biểu mẫu để tổng hợp và cho ý kiến vào phương án của từng xã, phường (*Lịch thẩm theo Phụ lục đính kèm*).

Đây là nhiệm vụ quan trọng của UBND tỉnh, Sở GDĐT đề nghị Chủ tịch UBND xã, phường quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (p/h);
- Giám đốc và các PGD Sở;
- Văn phòng và các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Tạ Việt Hùng

¹ Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2016 về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục NN công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Phụ lục
LỊCH THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CẦU CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Công văn số /SGDDT- TCCB ngày /7/2026 của Sở GDĐT)

1. Địa điểm: Phòng họp tầng 5

Sở GDĐT. Địa chỉ Lô Q10, Lý Tự Trọng, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thời gian: Từ ngày

Đề nghị các đơn vị căn cứ thời gian bố trí dự họp đúng thời gian quy định

Tổ thẩm định số 1				Tổ thẩm định số 2			
TT	Xã, phường	Buổi sáng	Buổi chiều	TT	Xã, phường	Buổi sáng	Buổi chiều
1	Phường Bắc Giang	8h, thứ 4, ngày 22/7/2026		1	Phường Kinh Bắc	8h, thứ 4, ngày 22/7/2026	
2	Phường Đa Mai	8h20', thứ 4, ngày 22/7/2026		2	Phường Võ Cường	8h20', thứ 4, ngày 22/7/2026	
3	Phường Tiên Phong	8h40', thứ 4, ngày 22/7/2026		3	Phường Vũ Ninh	8h40', thứ 4, ngày 22/7/2026	
4	Phường Tân An	9h10', thứ 4, ngày 22/7/2026		4	Phường Hạp Lĩnh	9h10', thứ 4, ngày 22/7/2026	
5	Phường Yên Dũng	9h30, thứ 4, ngày 22/7/2026		5	Phường Nam Sơn	9h30, thứ 4, ngày 22/7/2026	
6	Phường Tân Tiến	9h50', thứ 4, ngày 22/7/2026		6	Phường Từ Sơn	9h50', thứ 4, ngày 22/7/2026	
7	Phường Cảnh Thụy	10h10, thứ 4, ngày 22/7/2026		7	Phường Tam Sơn	10h10, thứ 4, ngày 22/7/2026	
8	Xã Đồng Việt	10h30, thứ 4, ngày 22/7/2026		8	Phường Đồng Nguyên	10h30, thứ 4, ngày 22/7/2026	
9	Phường Tự Lạn	10h50, thứ 4, ngày 22/7/2026		9	Phường Phù Khê	10h50, thứ 4, ngày 22/7/2026	
10	Phường Việt Yên	11h10, thứ 4, ngày 22/7/2026		10	Phường Thuận Thành	11h10, thứ 4, ngày 22/7/2026	
11	Phường Nénh	11h30, thứ 4, ngày 22/7/2026		11	Phường Mão Điền	11h30, thứ 4, ngày 22/7/2026	
12	Phường Vân Hà		13h30', thứ 4, ngày 22/7/2026	12	Phường Trạm Lộ		13h30', thứ 4, ngày 22/7/2026
13	Xã Hợp Thịnh		13h50, thứ 4, ngày 22/7/2026	13	Phường Trí Quả		13h50, thứ 4, ngày 22/7/2026
14	Xã Hiệp Hòa		14h10', thứ 4, ngày 22/7/2026	14	Phường Song Liễu		14h10', thứ 4, ngày 22/7/2026

Tổ thẩm định số 1				Tổ thẩm định số 2			
TT	Xã, phường	Buổi sáng	Buổi chiều	TT	Xã, phường	Buổi sáng	Buổi chiều
15	Xã Hoàng Vân		14h30, thứ 4, ngày 22/7/2026	15	Phường Ninh Xá		14h30, thứ 4, ngày 22/7/2026
16	Xã Xuân Cẩm		14h50', thứ 4, ngày 22/7/2026	16	Phường Quế Võ		14h50', thứ 4, ngày 22/7/2026
17	Xã Lạng Giang		15h10', thứ 4, ngày 22/7/2026	17	Phường Phương Liễu		15h10', thứ 4, ngày 22/7/2026
18	Xã Mỹ Thái		15h30', thứ 4, ngày 22/7/2026	18	Phường Nhân Hòa		15h30', thứ 4, ngày 22/7/2026
19	Xã Kép		15h50', thứ 4, ngày 22/7/2026	19	Phường Đào Viên		15h50', thứ 4, ngày 22/7/2026
20	Xã Tân Dĩnh		16h10', thứ 4, ngày 22/7/2026	20	Phường Bồng Lai		16h10', thứ 4, ngày 22/7/2026
21	Xã Tiên Lục		16h30', thứ 4, ngày 22/7/2026	21	Xã Chi Lăng		16h30', thứ 4, ngày 22/7/2026
22	Xã Tân Yên		16h50', thứ 4, ngày 22/7/2026	22	Xã Phù Lãng		16h50', thứ 4, ngày 22/7/2026
23	Xã Ngọc Thiện	8h, thứ 5, ngày 23/7/2026		23	Xã Yên Phong	8h, thứ 5, ngày 23/7/2026	
24	Xã Nhã Nam	8h20', thứ 5, ngày 23/7/2026		24	Xã Văn Môn	8h20', thứ 5, ngày 23/7/2026	
25	Xã Phúc Hòa	8h40', thứ 5, ngày 23/7/2026		25	Xã Tam Giang	8h40', thứ 5, ngày 23/7/2026	
26	Xã Quang Trung	9h10', thứ 5, ngày 23/7/2026		26	Xã Yên Trung	9h10', thứ 5, ngày 23/7/2026	
27	Xã Yên Thế	9h30, thứ 5, ngày 23/7/2026		27	Xã Tam Đa	9h30, thứ 5, ngày 23/7/2026	
28	Xã Bó Hạ	9h50', thứ 5, ngày 23/7/2026		28	Xã Tiên Du	9h50', thứ 5, ngày 23/7/2026	
29	Xã Đồng Kỳ	10h10, thứ 5, ngày 23/7/2026		29	Xã Liên Bảo	10h10, thứ 5, ngày 23/7/2026	
30	Xã Xuân Lương	10h30, thứ 5, ngày 23/7/2026		30	Xã Tân Chi	10h30, thứ 5, ngày 23/7/2026	
31	Xã Tam Tiến	10h50, thứ 5, ngày 23/7/2026		31	Xã Đại Đồng	10h50, thứ 5, ngày 23/7/2026	
32	Xã Lục Sơn	11h10, thứ 5, ngày 23/7/2026		32	Xã Phật Tích	11h10, thứ 5, ngày 23/7/2026	
33	Xã Trường Sơn	11h30, thứ 5, ngày 23/7/2026		33	Xã Gia Bình	11h30, thứ 5, ngày 23/7/2026	
34	Xã Cẩm Lý		13h30', thứ 5, ngày 23/7/2026	34	Xã Nhân Thắng		13h30', thứ 5, ngày 23/7/2026
35	Xã Đông Phú		13h50, thứ 5, ngày 23/7/2026	35	Xã Đại Lai		13h50, thứ 5, ngày 23/7/2026

Tổ thẩm định số 1				Tổ thẩm định số 2			
TT	Xã, phường	Buổi sáng	Buổi chiều	TT	Xã, phường	Buổi sáng	Buổi chiều
36	Xã Nghĩa Phương		14h10', thứ 5, ngày 23/7/2026	36	Xã Cao Đức		14h10', thứ 5, ngày 23/7/2026
37	Xã Lục Nam		14h30, thứ 5, ngày 23/7/2026	37	Xã Đông Cứu		14h30, thứ 5, ngày 23/7/2026
38	Xã Bắc Lũng		14h50', thứ 5, ngày 23/7/2026	38	Xã Lương Tài		14h50', thứ 5, ngày 23/7/2026
39	Xã Bảo Đài		15h10', thứ 5, ngày 23/7/2026	39	Xã Lâm Thao		15h10', thứ 5, ngày 23/7/2026
40	Xã Nam Dương		15h30', thứ 5, ngày 23/7/2026	40	Xã Trung Chính		15h30', thứ 5, ngày 23/7/2026
41	Xã Kiên Lao		15h50', thứ 5, ngày 23/7/2026	41	Xã Trung Khê		15h50', thứ 5, ngày 23/7/2026
42	Phường Chũ		16h10', thứ 5, ngày 23/7/2026	42	Xã Yên Định		16h10', thứ 5, ngày 23/7/2026
43	Phường Phượng Sơn		16h30', thứ 5, ngày 23/7/2026	43	Xã An Lạc		16h30', thứ 5, ngày 23/7/2026
44	Xã Biển Động		16h50', thứ 5, ngày 23/7/2026	44	Xã Vân Sơn		16h50', thứ 5, ngày 23/7/2026
45	Xã Lục Ngạn	8h, thứ 6, ngày 24/7/2026		45	Xã Tuấn Đạo	8h, thứ 6, ngày 24/7/2026	
46	Xã Đèo Gia	8h20', thứ 6, ngày 24/7/2026		46	Xã Đại Sơn	8h20', thứ 6, ngày 24/7/2026	
47	Xã Sơn Hải	8h40', thứ 6, ngày 24/7/2026		47	Xã Sơn Động	8h40', thứ 6, ngày 24/7/2026	
48	Xã Tân Sơn	9h10', thứ 6, ngày 24/7/2026		48	Xã Tây Yên Tử	9h10', thứ 6, ngày 24/7/2026	
49	Xã Biên Sơn	9h30, thứ 6, ngày 24/7/2026		49	Xã Dương Hưu	9h30, thứ 6, ngày 24/7/2026	
50	Xã Sa Lý	9h50', thứ 6, ngày 24/7/2026					

ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC LẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026

TT	Xã, phường	Trường công lập mầm non	Trường công lập tiểu học	THCS và TH-THCS			Trường PTDTNT, DTBT (Đã tính trong tổng số)	Tổng số trường mầm non, tiểu học, THCS cấp xã, phường tháng 7/2026	Phương án sắp xếp		Ghi chú
				Tổng số THCS và TH-THCS	Trong đó				Số trường giảm	Tổng số trường sau khi sắp xếp	
					Trường THCS	Trường TH&THCS					
1	Phường Bắc Giang	9	9	10	10			28	9	19	Có trường trọng điểm
2	Phường Đa Mai	5	5	5	5			15	5	10	
3	Phường Tiền Phong	4	4	4	4			12	4	8	
4	Phường Tân An	6	4	6	4	2		16	5	11	
5	Phường Yên Dũng	5	4	4	4			13	4	9	Có trường trọng điểm
6	Phường Tân Tiến	3	3	3	3			9	3	6	
7	Phường Cảnh Thụy	3	3	3	3			9	3	6	
8	Xã Đồng Việt	3	3	3	3			9	3	6	
9	Phường Tự Lạn	4	4	4	4			12	4	8	
10	Phường Việt Yên	5	5	5	5			15	5	10	Có trường trọng điểm
11	Phường Nénh	5	5	5	5			15	5	10	
12	Phường Vân Hà	5	5	5	5			15	5	10	
13	Xã Hợp Thịnh	9	9	8	7	1		26	9	17	
14	Xã Hiệp Hòa	9	10	6	6			25	8	17	Có trường trọng điểm
15	Xã Hoàng Văn	7	6	7	6	1		20	7	13	
16	Xã Xuân Cầm	5	7	5	5			17	6	11	
17	Xã Lạng Giang	6	6	6	6			18	6	12	Có trường trọng điểm
18	Xã Mỹ Thái	4	4	4	4			12	4	8	
19	Xã Kép	3	3	4	3	1		10	3	7	
20	Xã Tân Đình	3	3	3	3			9	3	6	
21	Xã Tiên Lục	6	6	6	6			18	6	12	
22	Xã Tân Yên	5	5	5	5			15	5	10	Có trường trọng điểm
23	Xã Ngọc Thiện	6	6	5	5			17	6	11	
24	Xã Nhã Nam	4	4	4	4			12	4	8	
25	Xã Phúc Hòa	3	3	3	3			9	3	6	
26	Xã Quang Trung	5	5	5	5			15	5	10	
27	Xã Yên Thế	6	4	7	5	2	1	17	6	11	Có trường trọng điểm
28	Xã Bó Hạ	3	3	3	3			9	3	6	
29	Xã Đồng Kỳ	4	4	4	4			12	4	8	
30	Xã Xuân Lương	3	3	3	3			9	3	6	
31	Xã Tam Tiến	3	3	3	3			9	3	6	
32	Xã Lục Sơn	2	2	4	2	2		8	2	6	Miền núi
33	Xã Trường Sơn	3	3	2	2			8	2	6	Miền núi
34	Xã Cẩm Lý	3	3	3	3			9	3	6	
35	Xã Đông Phú	2	2	2	2			6	2	4	
36	Xã Nghĩa Phương	3	3	3	2	1		9	3	6	

TT	Xã, phường	Trường công lập mầm non	Trường công lập tiểu học	THCS và TH-THCS			Trường PTDTNT, DTBT (Đã tính trong tổng số)	Tổng số trường mầm non, tiểu học, THCS cấp xã, phường tháng 7/2026	Phương án sắp xếp		Ghi chú
				Tổng số THCS và TH-THCS	Trong đó				Số trường giảm	Tổng số trường sau khi sắp xếp	
					Trường THCS	Trường TH&THCS					
37	Xã Lục Nam	6	5	7	6	1	1	18	6	12	Có trường trọng điểm
38	Xã Bắc Lũng	4	4	4	4			12	4	8	
39	Xã Bảo Đài	4	4	5	4	1		13	4	9	
40	Xã Nam Dương	2	2	2	2			6	2	4	
41	Xã Kiên Lao	2	2	2	2			6	2	4	
42	Phường Chũ	6	6	5	5			17	5	12	Có trường trọng điểm
43	Phường Phụng Sơn	4	4	3	3			11	4	7	
44	Xã Biển Động	3	2	3	2	1		8	2	6	Miền núi
45	Xã Lục Ngạn	5	5	5	5			15	5	10	
46	Xã Đèo Gia	2	2	2	2			6	2	4	
47	Xã Sơn Hải	2	2	2	2		2	6	2	4	
48	Xã Tân Sơn	2	3	2	2			7	2	5	Miền núi
49	Xã Biên Sơn	2	2	2	2			6	2	4	
50	Xã Sa Lý	2	1	2	1	1		5	1	4	Miền núi
51	Xã Đại Sơn	3	2	5	2	3		10	3	7	
52	Xã Sơn Động	5	4	3	3			12	4	8	Có trường trọng điểm
53	Xã Tây Yên Tử	3	1	3	1	2		7	2	5	Miền núi
54	Xã Dương Hưu	2	2	2	2		1	6	2	4	
55	Xã Yên Định	2	2	2	2			6	2	4	
56	Xã An Lạc	2	2	2	2		1	6	2	4	
57	Xã Vân Sơn	2	1	2	1	1		5	1	4	Miền núi
58	Xã Tuấn Đạo	2	1	2	1	1		5	1	4	Miền núi
59	Phường Kinh Bắc	8	6	10	7	3		24	8	16	Có trường trọng điểm
60	Phường Võ Cường	4	5	4	3	1		13	5	8	
61	Phường Vũ Ninh	5	2	4	2	2		11	4	7	
62	Phường Hạp Lĩnh	2	1	2	1	1		5	2	3	
63	Phường Nam Sơn	2	2	2	1	1		6	2	4	
64	Phường Từ Sơn	7	4	4	3	1		15	5	10	
65	Phường Tam Sơn	4	3	2	2			9	3	6	
66	Phường Đồng Nguyên	5	4	4	3	1		13	4	9	Có trường trọng điểm
67	Phường Phù Khê	4	5	3	3			12	4	8	
68	Phường Thuận Thành	7	6	5	4	1		18	6	12	Có trường trọng điểm
69	Phường Mão Điền	3	3	3	2	1		9	3	6	
70	Phường Trạm Lộ	2	1	2	1	1		5	2	3	
71	Phường Trí Quả	4	3	3	2	1		10	3	7	
72	Phường Song Liễu	4		4		4		8	3	5	
73	Phường Ninh Xá	3	2	2	2			7	3	4	
74	Phường Quế Võ	4	3	4	2	2		11	4	7	

TT	Xã, phường	Trường công lập mầm non	Trường công lập tiểu học	THCS và TH-THCS			Trường PTDTNT, DTBT (Đã tính trong tổng số)	Tổng số trường mầm non, tiểu học, THCS cấp xã, phường tháng 7/2026	Phương án sắp xếp		Ghi chú
				Tổng số THCS và TH-THCS	Trong đó				Số trường giảm	Tổng số trường sau khi sắp xếp	
					Trường THCS	Trường TH&THCS					
75	Phường Phương Liễu	2	1	3	2	1		6	2	4	Có trường trọng điểm
76	Phường Nhân Hòa	3	2	3	2	1		8	3	5	
77	Phường Đào Viên	3	2	3	2	1		8	3	5	
78	Phường Bồng Lai	3	1	3	1	2		7	3	4	
79	Xã Chi Lăng	2	1	3	1	2		6	2	4	
80	Xã Phù Lãng	3		3		3		6	2	4	
81	Xã Yên Phong	6	5	5	5			16	5	11	Có trường trọng điểm
82	Xã Văn Môn	3	3	3	3			9	3	6	
83	Xã Tam Giang	2	2	2	2			6	2	4	
84	Xã Yên Trung	2	3	2	2			7	3	4	
85	Xã Tam Đa	3	4	3	3			10	3	7	
86	Xã Tiên Du	6	4	3	3			13	4	9	
87	Xã Liên Bảo	4	3	4	4			11	3	8	Có trường trọng điểm
88	Xã Tân Chi	3	3	2	2			8	3	5	
89	Xã Đại Đồng	5	3	3	3			11	4	7	
90	Xã Phật Tích	3		3		3		6	2	4	
91	Xã Gia Bình	4	1	5	2	3		10	3	7	Có trường trọng điểm
92	Xã Nhân Thắng	3	1	3	1	2		7	3	4	
93	Xã Đại Lai	2		2		2		4	1	3	Tối thiểu 1 trường/bậc học
94	Xã Cao Đức	2		2		2		4	1	3	Tối thiểu 1 trường/bậc học
95	Xã Đông Cứu	3		3		3		6	2	4	
96	Xã Lương Tài	4	2	4	3	1		10	3	7	Có trường trọng điểm
97	Xã Lâm Thao	4	2	3	1	2		9	3	6	
98	Xã Trung Chính	4	1	3	1	2		8	3	5	
99	Xã Trung Kênh	4	3	3	3			10	3	7	
	Tổng cộng	382	317	363	292	71	6	1062	351	711	